

ĐS, ngày 23 tháng 09 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐS, TỈNH THANH HÓA

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Bình
2. Bà Lê Hoàn Sinh

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212; 213; Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 05 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các đương sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trung **N** - Sinh năm 1982

Nơi cư trú: Đội **M** thôn **YB**, xã **ĐY**, huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hoá.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị **H** - Sinh năm 1984

Nơi cư trú: Đội **M** thôn **YB**, xã **ĐY**, huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hoá.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trung **N** và chị Nguyễn Thị **H** thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung **N** – Sinh ngày 29/07/2007 cho anh **N** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Trung **P** – Sinh ngày 29/9/2013 cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **N**, chị **H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Anh Nguyễn Trung **N** và chị Nguyễn Thị **H** thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Trung **N** và chị Nguyễn Thị **H** thỏa thuận anh **N** chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0005553 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện **ĐS** (Anh **N** đã nộp đủ tiền án phí).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo kháng **N** theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện **ĐS**;
- Chi cục THADS huyện **ĐS**;
- UBND xã **ĐY**, huyện **ĐS**;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Tân